

**CÔNG TY TNHH HỖ TRỢ Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HỖ TRỢ Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM TRADITIONAL MEDICAL SUPPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIETNAM TRADITIONAL MEDICAL SUPPORT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110884231

**3. Ngày thành lập:** 07/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8, LK 6D, C17 Bộ công an, Khu đô thị Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906378505

Fax:

Email: yuri0511.ms@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 2.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                               | 2023     |
| 3.  | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc                                             | 2100     |
| 4.  | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị y tế                      | 3250     |
| 5.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                       | 2651     |
| 6.  | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                               | 2660     |
| 7.  | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                               | 2670     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                       | 4632     |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                    | 4690     |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dược<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh        | 4649     |
| 11. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(loại trừ đấu giá)                                                                             | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 12. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dược<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.<br>- Kinh doanh thiết bị y tế | 4772        |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Không bao gồm đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                                                                                     | 4791        |
| 14. | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế<br>Chi tiết: Trạm y tế                                                                                                                                                                              | 8610        |
| 15. | Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa<br>Chi tiết: Phòng chuẩn trị y học cổ truyền                                                                                                                                 | 8620        |
| 16. | Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng<br>(trừ lưu trú bệnh nhân)                                                                                                                                                     | 8692        |
| 17. | Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn liên quan đến y học cổ truyền, chăm sóc, y tế công cộng; Châm cứu...                                                                                                        | 8699(Chính) |
| 18. | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng                                                                                                                                                                                             | 8710        |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                   | 7020        |
| 20. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                                                                | 7213        |
| 21. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                  | 7310        |
| 22. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                   | 7320        |
| 23. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ hoạt động báo chí)<br>Chi tiết: - Hoạt động biên phiên dịch.                                                                                               | 7490        |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(không bao gồm tổ chức họp báo)                                                                                                                                                               | 8230        |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Tư vấn giáo dục; Đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục. Tư vấn đào tạo kỹ thuật, lắp đặt và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y tế.                                                                  | 8560        |
| 26. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các khóa học ngắn hạn về y học cổ truyền, châm cứu của cơ sở đào tạo liên tục                                                                                                            | 8559        |
| 27. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ<br>Chi tiết: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực kỹ thuật y học.                                                          | 7212        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LÊ THỊ BÍCH HỢP      Giới tính: Nữ  
Sinh ngày: 05/11/1981      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017181000082  
Ngày cấp: 02/04/2022      Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 58 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 58 Bà Triệu, Phường Nguyễn Trãi, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NAM CHI SUNG      Giới tính: Nam  
Chức danh: Giám đốc  
Sinh ngày: 10/01/1964      Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M105Z5979  
Ngày cấp: 17/06/2022      Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc  
Địa chỉ thường trú: 14-10 Koyacho Neyagawa City Osaka prf, Nhật Bản  
Địa chỉ liên lạc: 14-10 Koyacho Neyagawa City Osaka prf, Nhật Bản

\* Họ và tên: NGUYỄN THÚY LIÊN      Giới tính: Nữ  
Chức danh: Tổng giám đốc  
Sinh ngày: 14/08/1981      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 010181003637  
Ngày cấp: 09/05/2021      Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội  
Địa chỉ thường trú: Số 7 phố Hồ Tùng Mậu, tổ 16, Phường Lào Cai, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam  
Địa chỉ liên lạc: Số 32/15/23 An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội